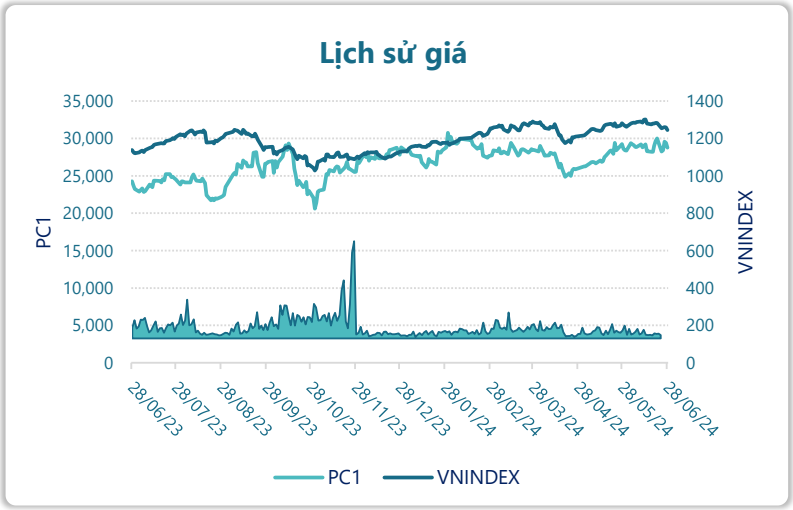
FireAnt

CTCP Tập đoàn PC1 (HSX: PC1)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**28,750**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,750
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,609
SL cổ phiếu LH	310,995,558
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,242,965
% sở hữu nước ngoài	12.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,941
P/E	32.2
EPS	892

DT thuần

Q2/24

3,091

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 926| 42.8%

YoY: ▲ 1,619| 110%

LN sau thuế

Q2/24

74.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼54.4| -42.1%

YoY: ▲ 95.3| 461%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

9.6%

+/- YoY: ▼ 5.3%

DT thuần

6T 2024

5,256

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2,279| 76.5%

LN sau thuế

6T 2024

204

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 146| 248%

ROE

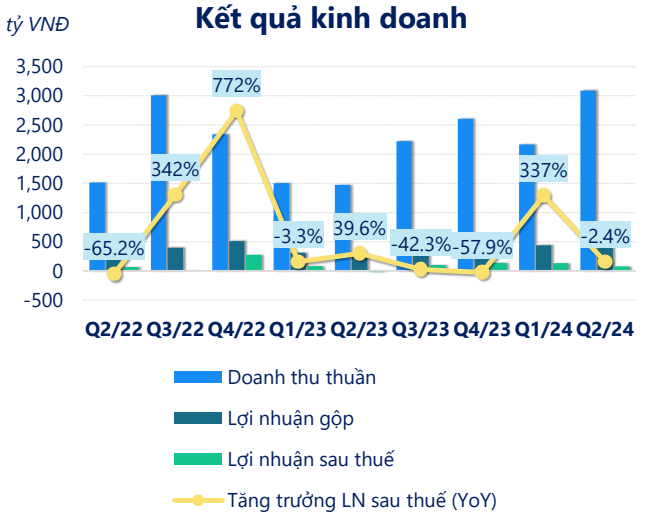
Q2/24

3.8%

+/- YoY: ▲ 0.1%

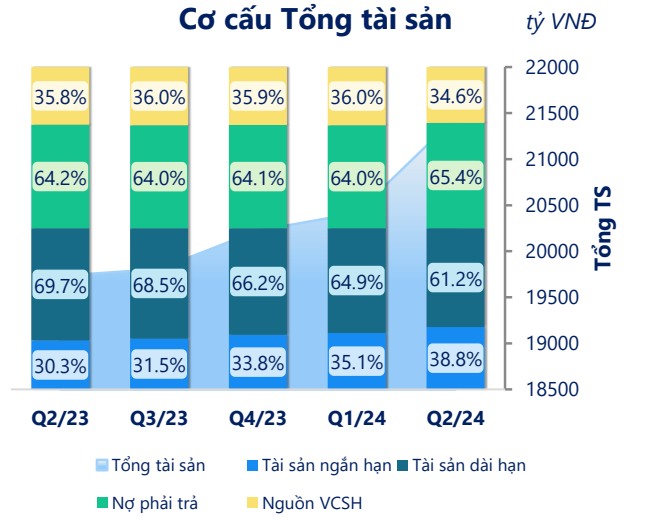
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



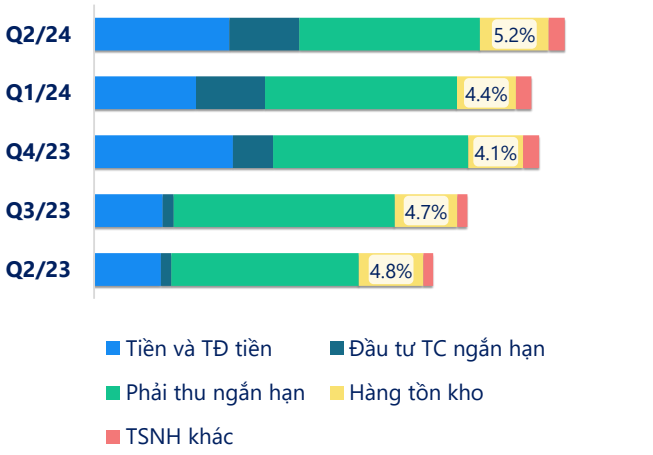
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



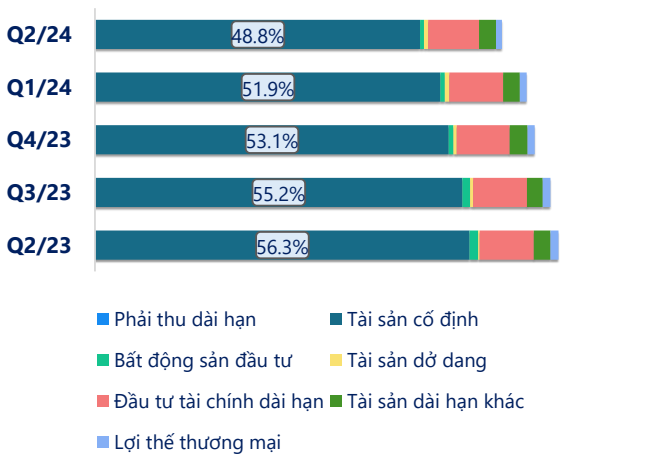
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



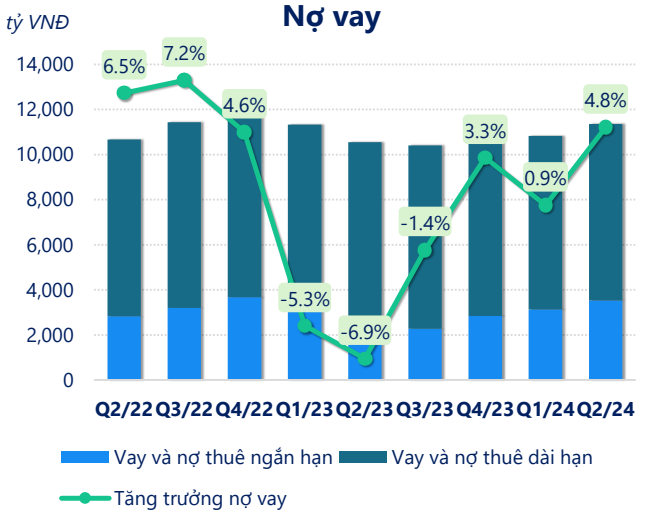
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



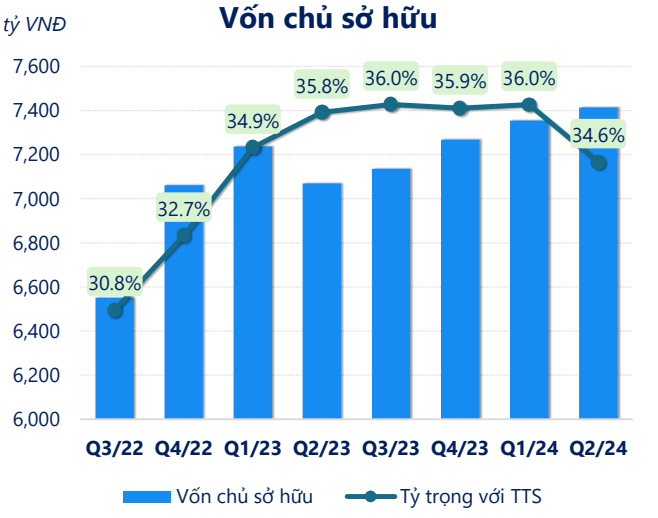
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



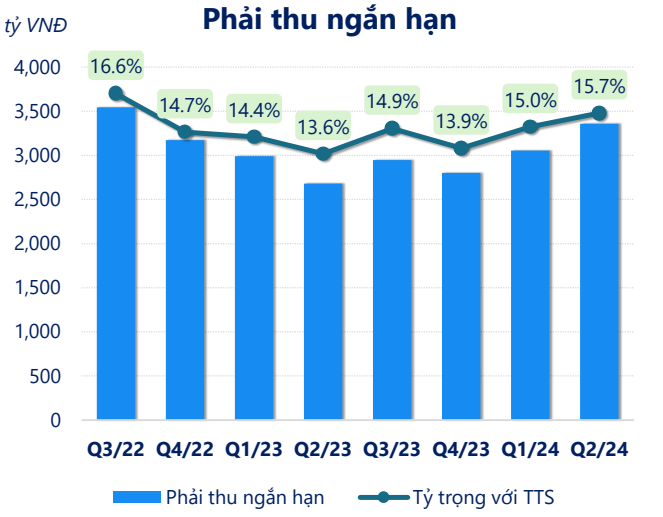
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



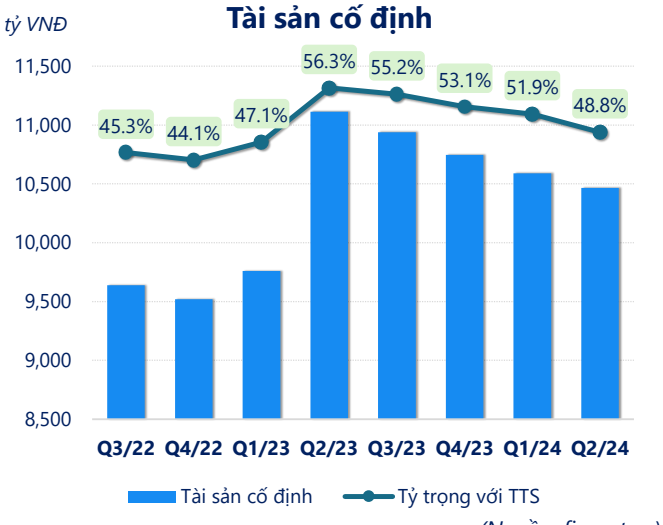
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



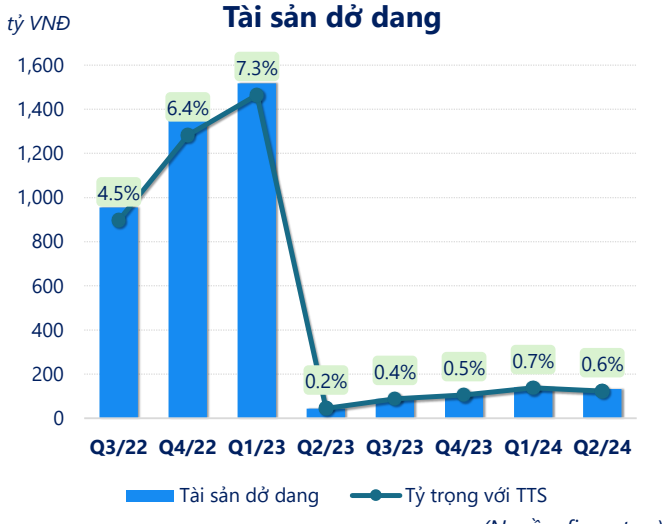
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



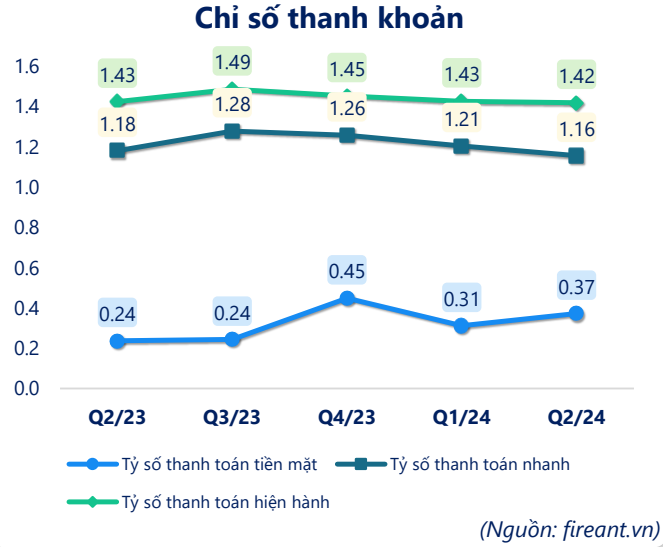
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



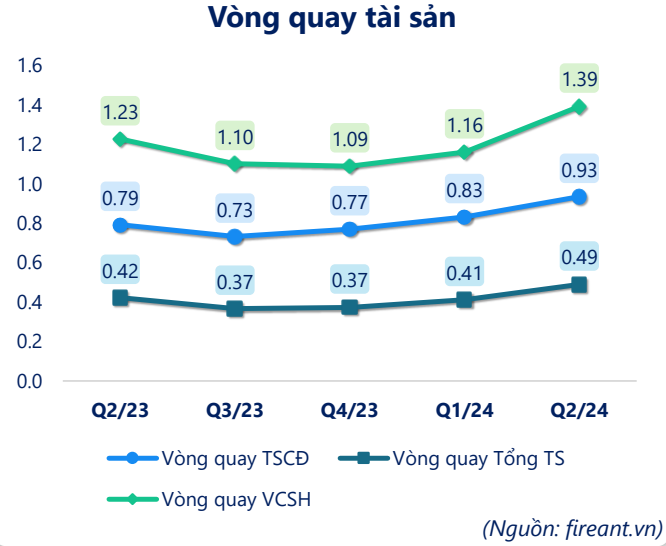
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**19,732**	**19,806**	**20,225**	**20,415**	**21,452**
Tài sản ngắn hạn	**5,976**	**6,237**	**6,845**	**7,157**	**8,314**
Tiền và tương đương tiền	994	1,021	2,112	1,563	2,181
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,042	1,159	769	1,160	1,150
Phải thu ngắn hạn	2,680	2,945	2,803	3,052	3,357
Hàng tồn kho	1,022	872	921	1,113	1,540
Tài sản ngắn hạn khác	238	240	240	268	86.5
Tài sản dài hạn	**13,756**	**13,568**	**13,380**	**13,258**	**13,137**
Phải thu dài hạn	8.56	9.39	14.8	20.9	27.5
Tài sản cố định	11,113	10,938	10,745	10,589	10,464
Bất động sản đầu tư	258	231	146	131	127
Tài sản dở dang	44.0	87.3	107	140	132
Đầu tư tài chính dài hạn	1,608	1,603	1,607	1,656	1,646
Tài sản dài hạn khác	492	475	545	514	542
Lợi thế thương mại	234	225	216	208	199
Nợ phải trả	**12,662**	**12,670**	**12,957**	**13,060**	**14,037**
Nợ ngắn hạn	**4,192**	**4,196**	**4,709**	**5,014**	**5,856**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,415	2,271	2,838	3,132	3,521
Phải trả người bán ngắn hạn	964	887	1,049	876	1,043
Nợ dài hạn	8,471	8,474	8,249	8,046	8,181
Vay và nợ thuê dài hạn	8,132	8,129	7,902	7,701	7,832
Nguồn vốn chủ sở hữu	**7,069**	**7,136**	**7,267**	**7,355**	**7,414**
Vốn chủ sở hữu	**7,069**	**7,136**	**7,267**	**7,355**	**7,414**
Vốn điều lệ	2,704	2,704	3,110	3,110	3,110
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)